TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2024
V/v Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang; Bà Phạm Thị Thu Dương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, về "*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng G sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 4, xã Mi, huyện B, tỉnh B. Bà G vắng mặt tại phiên tòa (bà G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh B. Địa chỉ hiện nay: Đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại 2, trại giam Đ, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông Q vắng mặt tại phiên tòa (ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Lê Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009. Ngày 14/5/2016, bà G và ông Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh B. Quá trình chung sống, ông Q không lo làm ăn và nghiện ma túy, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Năm 2022 ông Q bị Tòa án nhân dân huyện B

xử phạt 09 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện nay, ông Q đang chấp hành án tại Trại giam Đ. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng. Nên, bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà G được ly hôn với ông Q.

Bà G và ông Q có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 07/4/2010 và Lê Thị Hồng V sinh ngày 29/4/2016. Khi ly hôn, bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 09/01/2024, bị đơn là ông Lê Văn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, ông Q đồng ý với lời trình bày của bà G. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay ông Q đang phải chấp hành hình phạt 09 năm tù tại Trại giam Đ, ông Q đồng ý ly hôn với bà G.

Ông Q và bà G có hai con chung như bà G trình bày. Sau khi ly hôn, ông Q chấp nhận yêu cầu của bà G, đồng ý giao 02 con chung cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Q và bà G không có tài sản chung.

** Tại bản tự khai ngày 27/10/2023, chị Nguyễn Thị Hồng Nhung và chị Lê Thị Hồng Vy trình bày như sau:*

Chị N và chị V là con của bà G và ông Q. Chị Nhung đang học lớp 7 trường Trung học cơ sở M, chị Vy đang học lớp 2 trường Tiểu học N, xã M, huyện B, tỉnh B. Nếu Tòa án giải quyết cho bà G và ông Q ly hôn, nguyện vọng của chị N và chị V được bà G trực tiếp nuôi dưỡng.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; Việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho bà G được ly hôn với ông Q; Giao cho bà G nuôi con Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 07/4/2010 và Lê Thị Hồng V sinh ngày 29/4/2016, đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn Q và được nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn". Bị đơn ông Lê Văn Q đang chấp hành án phạt tù tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà G và bị đơn ông Q có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà G và ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông Q tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 5 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh B. Quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, bà G và ông Q phát sinh mâu thuẫn. Ông Q đang phải chấp hành hình phạt 09 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, xử cho bà G được ly hôn với ông Q.

[2.2] Về con chung: Bà G và ông Q có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 07/4/2010 và Lê Thị Hồng V sinh ngày 29/4/2016. Bà G và ông Q thống nhất, khi ly hôn, bà G là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Mặt khác, ông Q đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù; cháu N và cháu V cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền và lợi ích của các con, HĐXX cần giao cả 02 con cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà G không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà G phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân

và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn với ông Lê Văn Q.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 07/4/2010 và Lê Thị Hồng V sinh ngày 29/4/2016 cho bà Nguyễn Thị Hồng G trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000962 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án HNGĐ-ST trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
-Chi cục T.H.A dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
-UBND xã B, huyện B,tỉnh B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương